TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN
---***---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 04/08/2022
" V/v: Ly hôn giữa chị H và anh H1"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU TỈNH HƯNG YÊN
THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế P
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ - Ông Lê Quang T.
2/ - Bà Vũ Thị T1.
Thư ký phiên tòa: - Bà Trần Thị T2 - Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: - Bà Lê Thị T3 – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04/08/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 152/2022/HNGĐ-ST Ngày 31/5/2022 về việc "Xin ly hôn" giữa:

***- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm 1989.

+ Sinh, trú quán tại: Thôn Đ, xã T4, huyện P1, thành phố H3.

+ HKTT tại: Thôn M, xã Đ2, huyện K, tỉnh H2. (Có mặt tại phiên tòa).

***- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1 - Sinh năm 1985.

+ Sinh, trú quán và HKTT tại: Thôn M, xã Đ2, huyện K, tỉnh H2. (Vắng mặt tại phiên tòa).

***- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/- Cháu Nguyễn Ngọc D – sinh ngày 10/02/2011.

2/- Cháu Nguyễn Nhật V – sinh ngày 06/05/2013.

3/- Cháu Nguyễn Tùng D1 – sinh ngày 31/10/2015.

+ Đều sinh, trú quán và HKTT tại: Thôn M, xã Đ2, huyện K, tỉnh H2. (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Người giám hộ cho cháu D, cháu V và cháu D1 là chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ2 vào năm 2006, trên cơ sở hai bên tự nguyện. Hai anh chị chung sống với nhau hạnh phúc bình thường đến khoảng năm 2015 thì nẩy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống. Anh H1 mải chơi, không chí thú làm ăn. Đầu năm 2021 chị về nH đẻ ở huyện P sinh sống, nên từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị xin được ly hôn với anh H1 vì không có hạnh phúc, tình cảm.

Về con chung: Có ba con chung là cháu Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 10/02/2011), cháu Nguyễn Nhật V (sinh ngày 06/05/2013) và cháu Nguyễn Tùng D1 (sinh ngày 31/10/2015). Hiện nay cháu D và cháu V đang ở với chị, còn cháu D1 đang ở với anh H1. Nếu ly hôn thì chị xin được tiếp tục nuôi hai cháu D và V, còn giao cháu D1 cho anh H1 nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chungkhông đặt ra.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết phân chia.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh cũng khai nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị Thu H trình bày trên đây. Anh xin đoàn tụ chung sống cho các con đỡ khổ, còn trong trường hợp chị H kiên quyết thì anh cũng đành nhất trí.

Về con chung: Nhất trí giao hai cháu Điệp và V cho chị H nuôi, còn anh nuôi cháu D1.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết phân chia.

Anh Nguyễn Văn H1 có đơn xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết xét xử vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm trên đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong qúa trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng trong vụ án. Còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ vì đã nhiều lần vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1; Con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 10/02/2011) và cháu Nguyễn Nhật V (sinh ngày 06/05/2013) cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi. Giao cháu Nguyễn Tùng D1 (sinh ngày 31/10/2015) cho anh Nguyễn Văn H1 nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, cả anh H1 và chị H đều được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Tài sản chung, công nợ chung và công sức chung của anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thu H thì không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này; Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Việc anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn có đăng ký là hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh chị đã nẩy sinh mâu thuẫn, sống ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Cuộc sống gia đình đang ở tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1 để hai anh chị sớm ổn định, tạo lập hạnh phúc gia đình mới.

Về con chung: Trên cơ sở ý kiến của cả anh H1 và chị H, phù hợp với nguyện vọng các cháu D và V. Cần giao cháu cháu Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 10/02/2011) và cháu Nguyễn Nhật V (sinh ngày 06/05/2013) cho chị H nuôi. Giao cháu Nguyễn Tùng D1 (sinh ngày 31/10/2015) cho anh H1 nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, cả anh H1 và chị H đều được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Do cả anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thu H đều không yêu cầu phân chia, nên Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án ly hôn này. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia tài sản thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Cần đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại cơ quan Chi cục thi Hnh án dân sự huyện K.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn luật định các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* - *Căn cứ*: - Các Điều 51, 56 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí tòa án.

*- *Xử :*

1. – Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. – Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 10/02/2011) và cháu Nguyễn Nhật V (sinh ngày 06/05/2013) cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi. Giao cháu Nguyễn Tùng D1 (sinh ngày 31/10/2015) cho anh Nguyễn Văn H1 nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, cả anh H1 và chị H đều được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. – Về chia tài sản và công nợ chung: Không đặt ra xem xét. Khi nào anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị Thu H có yêu cầu phân chia thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

4. – Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng dự phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0007782 ngày 31/5/2022 tại cơ quan Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện K nên việc nộp án phí đã xong).

5.- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H (Có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/08/2022. Anh Nguyễn Văn H1 (Vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi cư trú./

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên tòa

- Nơi nhận:
+ TAND& VKSND tỉnh H2
+ VKSND& CC THADS huyện K.
+ UBND xã Đ2.
+ Các đương sự.
+ Lưu Hồ sơ, VP.